|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN LONG BIÊN  **TRƯỜNG THCS VIỆT HƯNG** | **CÂU HỎI TNKQ LẦN 4( CUỐI KÌ II)**  **NĂM HỌC 2023-2024**  **MÔN: ĐỊA LÍ 9** |
|  |  |

**A. NỘI DUNG ÔN TẬP**

**1. Kiến thức:** Kiểm tra lại các đơn vị kiến thức đã học:

- Vùng Đông Nam Bộ.

- Vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên môi trường biển đảo.

**2. Năng lực:**

- Phân tích các mối quan hệ địa lí: giữa điều kiện tự nhiên với các thế mạnh phát triển kinh tế, tình hình phát triển kinh tế các vùng….

- Năng lực khai thác Atlat Địa lí Việt Nam, nhận xét bảng số liệu, nhận dạng biểu đồ….

**B. DẠNG BÀI: 100% TNKQ**

***Câu 1. Chiều dài đường bờ biển và diện tích vùng biển của nước ta tương ứng là:***

A. 3160km và khoảng 0,5 triệu km2. B. 3260km và khoảng 1 triệu km2.

C. 3460km và khoảng 2 triệu km2. D. 2360km và khoảng 1 triệu km2.

***Câu 2. Dựa vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh (thành phố) nào?***

A.Đà Nẵng. B.Khánh Hòa. C.Kiên Giang D. Bà Rịa - Vũng Tàu.

***Câu 3. Dựa vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết bãi biển Trà Cổ thuộc tỉnh nào?***

A.Kiên Giang. B. Quảng Ninh. C.Hải Phòng. D. Khánh Hòa.

***Câu 4. Khoáng sản nào có giá trị nhất ở vùng biển nước ta?***

A.cát trắng. B.titan. C. dầu khí. D. muối.

***Câu 5. Đảo nào sau đây có diện tích lớn nhất nước ta?***

A.Cát Bà. B.Lý Sơn. C.Côn Đảo. D. Phú Quốc.

***Câu 6. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 6 -7, cho biết hai quần đảo nào sau đây có* *nhiều rạn san hô?***

A.Quần đảo Trường Sa và Cô Tô. B.Quần đảo Thổ Chu và Côn Sơn.

C.Quần đảo Hoàng Sa và Côn Sơn. D. Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

***Câu 7.******Nước ta có bao nhiêu tỉnh, thành phố giáp biển?***

A.25. B.26. C.27. D. 28.

***Câu 8. Vùng lãnh hải của nước ta rộng bao nhiêu hải lí?***

A.10. B.11. C. 12. D. 13.

***Câu 9. Các bộ phận hợp thành vùng biển nước ta bao gồm:***

A.Vùng nội thuỷ, vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải và các đảo.

B.Lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và vùng thềm lục địa.

C.Vùng nội thuỷ, vùng tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

D. Vùng nội thuỷ, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

***Câu 10. Sau dầu khí, loại tài nguyên khoáng sản biển nào được khai thác nhiều nhất hiện nay?***

A. Cát thuỷ tinh. B. Muối. C. Pha lê. D. San hô.

***Câu 11. Dựa vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh (thành phố) nào?***

A.Đà Nẵng. B.Quảng Nam. C.Quảng Ngãi. D. Khánh Hoà.

***Câu 12. Dựa vào Atlát địa lí Việt Nam trang 25, cho biết thứ tự sắp xếp các đảo theo thứ tự từ Bắc vào Nam là:***

A. Cát Bà, Bạch Long Vĩ, Lý Sơn, Phú Quý, Côn Đảo.

B. Côn Đảo, Phú Quý, Lý Sơn, Bạch Long Vĩ, Cát Bà.

C. Bạch Long Vĩ, Cát Bà, Lý Sơn, Phú Quý, Côn Đảo.

D. Cát Bà, Lý Sơn, Bạch Long Vĩ, Côn Đảo, Phú Quý.

***Câu 13. Tài nguyên nào được coi là vô tận của vùng biển nước ta?***

A.titan. B.muối C.dầu mỏ. D.khí tự nhiên.

***Câu 14. Du lịch biển của nước ta hiện nay chủ yếu tập trung khai thác hoạt động nào?***

A.tắm biển. B.lặn biển. C.thể thao trên biển. D. khám phá các đảo.

***Câu 15. Nhận định nào sau đây đúng với đặc điểm nguồn lợi sinh vật biển ở nước ta?***

A.Có độ sâu trung bình, độ mặn rất cao.

B.Sinh vật biển giàu có, nhiều thành phần loài.

C.Nhiều tài nguyên khoáng sản và thủy sản.

D. Có đầy đủ các loài sinh vật nhiệt đới, ôn đới.

***Câu 16. Hệ thống đảo ven bờ nước ta phân bố tập trung nhất ở vùng biển thuộc các tỉnh, thành phố nào:***

A. Thanh Hóa, Đà Nẵng, Bình Định, Cà Mau.

B. Quảng Bình, Quảng Ngãi, Bình Thuận, Sóc Trăng.

C. Thái Bình, Phú Yên, Ninh Thuận, Bạc Liêu.

D. Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hòa, Kiên Giang.

***Câu 17. Biện pháp nào sau đây có vai trò quan trọng nhất góp phần tăng sản lượng khai thác hải sản ở nước ta?***

A.Đầu tư phương tiện đánh bắt xa bờ. B.Tập trung khai thác hải sản ven bờ.

C.Xây dựng các nhà máy chế biến. D. Hình thành các cảng cá dọc bờ biển.

***Câu 18. Cần ưu tiên hoạt động đánh bắt xa bờ ở nước ta vì***

A.các loài thủy sản xa bờ có giá trị kinh tế cao hơn.

B.nước ta có phương tiện tàu thuyền hiện đại, công suất lớn.

C.nguồn lợi thủy sản ven bờ đang bị suy giảm nghiêm trọng.

D. các bãi cá tôm lớn của nước ta chỉ tập trung ở vùng biển xa bờ.

***Câu 19. Ý nghĩa về mặt an ninh quốc phòng của các đảo và quần đảo ở nước ta là***

A.hệ thống căn cứ để nước ta tiến ra biển.

B.cơ sở để khai thác các nguồn lợi thủy sản.

C.tạo việc làm, nâng cao đời sống của người dân vùng đảo.

D. cơ sở để khẳng định chủ quyền nước ta trên vùng biển và thềm lục địa.

***Câu 20. Phương hướng khai thác nguồn lợi hải sản vừa hiệu quả vừa góp phần bảo vệ vùng trời, vùng biển và thềm lục địa ở nước ta là***

A.đánh bắt xa bờ. B.nuôi trồng hải sản trên biển.

C.đánh bắt ven bờ. D. đẩy mạnh chế biến tại chỗ.

***Câu 21.******Ở Đồng bằng sông Cửu Long, về mùa cạn, nước triều lấn mạnh làm gần 2/3 diện tích đồng bằng bị nhiễm mặn, là do:***

A. có mạng lưới kênh rạch chằng chịt. B. địa hình thấp, bằng phẳng.

C. có nhiều vùng trũng rộng lớn. D. biển bao bọc ba mặt đồng bằng.

***Câu 22.*** ***Hạn chế chủ yếu trong sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là***

A. địa hình thấp, lũ kéo dài, có các vùng đất rộng lớn bị ngập sâu.

B. một số loại đất thiếu dinh dưỡng hoặc quá chặt, khó thoát nước.

C. phần lớn diện tích là đất phèn, đất mặn; có một mùa khô sâu sắc.

D. sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, bề mặt đồng bằng bị cắt xẻ lớn.

***Câu 23. Đồng bằng Sông Cửu Long là vùng sản xuất cây ăn quả lớn nhất nước do***

A.đất mặn, đất phèn chiếm phần lớn diện tích, không thích hợp cho việc trồng lúa.

B.có nguồn lao động đông đảo, nguồn nước tưới dồi dào.

C.có thổ nhưỡng, khí hậu thích hợp.

D. tập trung nhiều nhà máy chế biến nông sản.

***Câu 24. Trong những năm gần đây, diện tích rừng ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long bị giảm sút chủ yếu do nguyên nhân nào?***

A.Tăng diện tích đất nông nghiệp.

B.Biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

C. Nhu cầu lớn về gỗ, củi phục vụ sản xuất và đời sống.

D.Liên tục xảy ra cháy rừng vào mùa khô.

***Câu 25. Điểm mạnh để phát triển nghề nuôi trồng thủy sản của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long so với các vùng khác là***

A.thị trường tiêu thụ lớn. B.diện tích rừng ngập mặn lớn nhất cả nước.

C.nhiều đầm, phá, vịnh nước nông. D. kinh nghiệm nuôi trồng và chế biến thủy sản.

***Câu 26. Đồng bằng Sông Cửu Long được tạo nên bởi phù sa của sông nào?***

A.Sông Đồng Nai. B.Sông Mê Công C.Sông Thái Bình D. Sông Hồng.

***Câu 27.******Loại hình dịch vụ nào chiếm tỷ trọng cao nhất vùng Đông Nam Bộ?***

A.Xuất nhập khẩu. B.Giao thông, vận tải.

C.Du lịch sinh thái. D. Bưu chính, viễn thông.

***Câu 28.******Nhiệm vụ quan trọng trong ngành lâm nghiệp đang được các địa phương ở Đông Nam Bộ đầu tư là để***

A.tăng sản lượng gỗ khai thác. B.tìm thị trường cho việc xuất khẩu gỗ.

C.bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn. D. phát triển công nghiệp sản xuất gỗ giấy.

***Câu 29. Về sản xuất nông nghiệp, Đông Nam Bộ là vùng***

A. chuyên canh cây lương thực hàng đầu nước ta.

B. chăn nuôi gia súc hàng đầu của nước ta.

C. chuyên canh cây công nghiệp hàng đầu nước ta.

D. chuyên canh cây thực phẩm hàng đầu nước ta.

***Câu 30.******Đặc điểm dân cư - xã hội nào* không *đúng với Đông Nam Bộ?***

A.Là vùng có dân số đông. B.người dân năng động, sáng tạo.

C.Có nhiều di tích lịch sử, văn hóa. D. mật độ dân số cao nhất cả nước.

***Câu 31.******Biện pháp quan trọng hàng đầu trong việc đẩy mạnh thâm canh cây công nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ là***

A.nâng cao chất lượng lao động. B.tăng cường các cơ sở công nghiệp chế biến.

C.tăng cường công tác thủy lợi. D. hạn chế xói mòn, rửa trôi trên đất bazan.

***Câu 32****.* ***Điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch biển - đảo ở nước ta là***

A.nằm gần các tuyến đường hàng hải quốc tế trên Biển Đông.

B.từ Bắc vào Nam có nhiều bãi tắm rộng, cảnh đẹp, khí hậu tốt.

C.bờ biển có nhiều vũng, vịnh thuận lợi xây dựng cảng nước sâu.

D. nguồn lợi thủy sản phong phú, đa dạng, năng suất sinh học cao.

***Câu 33.******Nhận định nào sao đây* không *đúng về vai trò của việc đánh bắt thuỷ sản xa bờ?***

A.Tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho ngư dân.

B.Thuận tiện cho việc trao đổi, giao lưu hàng hoá với nước ngoài.

C.Góp phần hạn chế sự suy giảm tài nguyên sinh vật vùng ven bờ.

D. Bảo vệ vùng trời, vùng biển - hải đảo, thềm lục địa của nước ta.

***Câu 34. Nhận định nào sau đây* không *đúng với nghề làm muối ở vùng biển nước ta?***

A.Là nghề sản xuất truyền thống. B.Phát triển mạnh ở các tỉnh ven biển.

C.Phát triển mạnh nhất ở Bắc Trung Bộ. D. Phát triển nhất ở cực Nam Trung Bộ.

***Câu 35.  Biện pháp quan trọng nhất để đảm bảo an ninh và sự phát triển lâu dài của các nước tại Biển Đông là***

A. khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên biển.

B. tăng cường đối thoại hợp tác giữa các nước.

C. tăng cường sức mạnh quân sự của từng nước.

D. duy trì sự hiện diện quân sự của các nước lớn.

***Câu 36. Ô nhiễm môi trường biển* không *dẫn đến hậu quả:***

A. Làm suy giảm tài nguyên sinh vật biển.

B. Ảnh hưởng xấu đến chất lượng các khu du lịch biển.

C. Tác động đến đời sống của ngư dân.

D. Mất một phần tài nguyên nước ngọt.

***Câu 37. Những biện pháp cụ thể để bảo vệ tài nguyên môi trường biển nước ta là gì?***

1- Chuyển hướng đánh bắt ra xa bờ để bảo vệ, phát triển nguồn lợi thủy sản.

2- Cần giảm bớt việc khai thác nguồn lợi từ biển.

3- Bảo vệ và trồng thêm rừng ngập mặn, bảo vệ các rạn san hô ngầm ven biển, ven đảo, cấm khai thác san hô.

4- Phòng chống ô nhiễm bởi các yếu tố hóa học, nhất là dầu mỏ.

5- Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 1, 2, 3, 4. | B. 1, 3, 4, 5. | C. 2, 3, 4, 5. | D. 1, 2, 3, 5. |

***Câu 38. Vùng biển Việt Nam đã đem đến những thuận lợi và khó khăn như:***

|  |
| --- |
| A. Là nguồn đánh, bắt hải sản lớn, nơi khai thác dầu khí, nhưng thường có bão gây thiệt hại lớn. |
| B. Biển điều hòa khí hậu, gây bão tố dữ dội. |
| C. Nguồn lợi của biển phong phú về tự nhiên, kinh tế, quốc phòng, khoa học, nhưng là ổ bão gây tai hại lớn về người và của. |
| D. Biển có nhiều tài nguyên, khoáng sản, cảnh quan tự nhiên đa dạng. |

***Câu 39.******Việc phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển ở nước ta đem lại ý nghĩa nào sau đây?***

A.Khai thác triệt để các tiềm năng phát triển kinh tế ở vùng biển, kết hợp với bảo vệ chủ quyền biển đảo.

B.Khôi phục các nghề truyền thống kết hợp với bảo tồn văn hóa ở các làng nghề ven biển.

C.Tận dụng được các nguồn lợi thiên nhiên biển và phòng chống ô nhiễm môi trường biển.

D. Khai thác có hiệu quả các nguồn lợi vùng biển, hải đảo, thềm lục địa và bảo vệ chủ quyền biển đảo.

***Câu 40.******Lý do phải đặt ra vấn đề khai thác tổng hợp kinh tế biển ở nước ta* không *phải là***

A.hoạt động kinh tế biển rất đa dạng.

B.môi trường biển là không thể chia cắt được.

C.môi trường đảo rất nhạy cảm với tác động của con người.

D. trên các đảo có người sinh sống phải có hoạt động kinh tế tổng hợp.

***Câu 41. Khai thác tổng hợp kinh tế biển đem lại kết quả quan trọng nhất là***

A.khai thác triệt để các nguồn lợi kinh tế biển.

B.tạo thêm việc làm cho người lao động.

C.nâng cao mức sống cho nhân dân vùng biển.

D. hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường.

***Câu 42.******Điều kiện thuận lợi để phát triển ngành giao thông vận tải biển ở nước ta là gì?***

A.Cả nước có khoảng 120 cảng biển lớn nhỏ.

B.Khối lượng hàng hóa luân chuyển tương đối lớn.

C.Đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh rộng, kín gió.

D. Các tuyến đường ven biển chủ yếu hướng Bắc - Nam.

***Câu 43. Việc giữ vững chủ quyền của một hòn đảo, dù nhỏ, lại có ‎nghĩa rất lớn, vì các đảo là***

A. hệ thống tiền tiêu của vùng biển nước ta.

B.nơi có thể tổ chức quần cư, phát triển sản xuất.

C.hệ thống căn cứ để tiến ra khai thác biển và đại dương trong thời đại mới.

D.cơ sở để khẳng định chủ quyền đối với vùng biển và thềm lục địa nước ta.

***Câu 44.******Nguyên nhân chủ yếu nào làm cho nghề sản xuất muối phát triển mạnh ở Duyên hải Nam Trung Bộ?***

A. Có đường bờ biển dài, nắng quanh năm.

B.Bãi biển phẳng, dễ xây dựng ruộng muối.

C.Thủy triều thấp, ít ảnh hưởng các ruộng muối.

D. Mùa khô kéo dài và có ít sông đổ ra biển.

***Câu 45. Nguyên nhân chính làm cho hoạt động vận tải biển nước ta được phát triển mạnh trong những năm gần đây?***

A.Ngoại thương phát triển nhanh. B.Hoạt động du lịch quốc tế mở rộng.

C.Tiếp giáp với đường biển quốc tế. D. Bờ biển thuận lợi xây dựng cảng.

***Câu 46.******Khó khăn lớn nhất đối với hoạt động khai thác thủy sản xa bờ của nước ta là***

A. nguồn lao động có trình độ cao còn ít. B. nguồn tài nguyên thủy sản bị cạn kiệt.

C. thiếu tàu thuyền và thiết bị hiện đại. D. gia tăng ô nhiễm môi trường biển.

***Câu 47.******Nước ta có điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông vận tải đường biển chủ yếu do nước ta***

A. có vị trí ngã tư đường hàng hải quốc tế.

B. xu thế mở rộng quan hệ buôn bán quốc tế.

C. có vai trò kết nối giữa đất liền và các đảo, quần đảo.

D. điều kiện tự nhiên thuận lợi cho xây dựng nhiều cảng biển.

***Câu 48.******Cho bảng số liệu sau:***

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 - 2016 *(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2005** | **2010** | **2016** |
| Tổng sản lượng thuỷ sản | 2 250,5 | 3 465,9 | 5142,7 | 6895 |
| Khai thác | 1 660,9 | 1 987,9 | 2414,4 | 3237 |
| Nuôi trồng | 589,6 | 1 478,0 | 2728,3 | 3658 |

Để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu sản lượng thủy sản phân theo ngành khai thác của nước ta, giai đoạn 2000 - 2016 theo bảng số liệu, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

A. Biểu đồ đường. B. Biểu đồ tròn. C. Biểu đồ miền. D. Biểu đồ cột.

***Câu 49.******Cho bảng số liệu:***

*SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 - 2016 (Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2005** | **2010** | **2016** |
| **Tổng sản lượng thuỷ sản** | 2 250,5 | 3 465,9 | 5142,7 | 6895 |
| **Khai thác** | 1 660,9 | 1 987,9 | 2414,4 | 3237 |
| **Nuôi trồng** | 589,6 | 1 478,0 | 2728,3 | 3658 |

Từ bảng số liệu, hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về sản lượng thủy sản nước ta, giai đoạn 2000 - 2016?

A. Tổng sản lượng thủy sản tăng.

B. Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng đều tăng.

C. Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng chậm hơn khai thác.

D. Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn khai thác.

***Câu 50. Cho bảng số liệu:***

SẢN LƯỢNG DẦU THÔ VÀ KHÍ TỰ NHIÊN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 - 2015

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2005** | **2010** | **2015** |
| **Dầu thô** *(nghìn tấn)* | 16 291 | 18 519 | 15 014 | 18 746 |
| **Khí tự nhiên** *(triệu m3)* | 1 596 | 6 440 | 9 402 | 10 660 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)*

Để thể hiện sản lượng dầu thô và khí tự nhiên của nước ta giai đoạn 2000 - 2015 theo bảng số liệu, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Biểu đồ kết hợp. B. Biểu đồ đường. C. Biểu đồ tròn. D. Biểu đồ miền.

*Ngày 2 tháng 4 năm 2024*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BGH duyệt** | **Tổ, nhóm CM** | **Giáo viên thực hiện** |
| **Kiều Thị Tâm** |  | **Chu Thị Trúc** |